TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017 /HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 8 - 2017
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hải Nam

2. Ông Vũ Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Lý Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công , tỉnh Thái Nguyên.

Xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 01, phường T, thành phố S, Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Lương Mạnh A, sinh năm 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 01, phường T, thành phố S, Thái Nguyên.

3. Người làm chứng :

3.1 . Bà Lê Thị T- sinh năm 1948(có mặt)

3.2. Ông Vũ Ngọc H (Vắng mặt)

Đều cư trú: Tổ 01, phường T, thành phố S, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

-Về tình cảm: Chị và anh A kết hôn năm 2002, trước khi kết hôn có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố S, Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh A suốt ngày rượu chè, bê tha không chịu làm ăn thường xuyên đánh chửi vợ con, đã nhiều lần chị đã nhờ chính quyền địa phương can thiệp và khuyên bảo nhưng anh A không nghe, do đó chị và con không thể chung sống cùng đã phải thuê nhà để ở vì tính mạng chị và các con luôn bị đe dọa. Nay vợ chồng đã ly thân được một thời gian dài, không ai còn quan tâm chăm sóc ai, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

-Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân chị và anh A có 02 con chung là :

+ Lương Thị Phương T2 – sinh 20/6/2003

+ Lương Thanh T3 – sinh 02/6/2012

Sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom cả 02 con chung. Không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai anh Lương Mạnh A trình bày:

-Về tình cảm vợ chồng: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng anh thường xuyên phát sinh mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau, mâu thuẫn sảy ra liên tục từ năm 2007 đến nay. Từ năm 2013 đến nay do anh bị bệnh không thể đi làm ăn được nên mâu thuẫn vợ chồng xẩy ra thường xuyên hơn, anh thường xuyên đánh vợ, đã bị chính quyền địa phương và công an nhắc nhở, giáo dục nhiều lần. Vợ chồng đã ly thân 6 tháng nay, chị T có đơn xin ly hôn anh không nhất trí, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung.

-Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị T có 02 con chung là :

+ Lương Thị Phương T2 – sinh 20/6/2003

+ Lương Thanh T3 – sinh 02/6/2012

Sau khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom cả 02 con chung. Anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật .

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do các đương sự không tự thỏa thuận được về tình cảm vợ chồng, chị T cương quyết xin ly hôn, anh A xin đoàn tụ; Không thống nhất được về việc giao con chung, vụ kiện được đưa ra xét xử tại phiên toà công khai. Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh A không đồng ý ly hôn, trong trường hợp phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung, không nhất trí cho chị T nuôi con chung.

Tại phiên toà, đại diện VKS nhân dân thành phố Sông Công phát biểu quan điểm Đây là vụ án "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình ", căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân thành phố Sông Công thụ lý là đúng thẩm quyền .Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Không có vi phạm, nên không có đề xuất kiến nghị gì.

* Về quan điểm giải quyết về nội dung vụ án :

- Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T về yêu cầu xin ly hôn. Cho chị T được ly hôn anh Lương mạnh A.

- Về con chung: Đề nghị giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nên không đặt ra vấn đề xem xét.

- Về tài sản chung : Vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra vấn đề xem xét.

- Về công nợ chung: Không có.

- Về án phí : Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc kiện xin ly hôn giữa Nguyên đơn chị Dương Thị T khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung với bị đơn là anh Lương Mạnh A. Bị đơn cư trú tại Tổ1, phường T , thuộc thành phố S. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải theo quy định tại điều 208,209,210,211 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh A đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Lương mạnh A kết hôn năm 2002, trước khi kết hôn có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố S, Thái Nguyên, theo giấy chứng nhận kết hôn

36/2002, quyển số 1.2002 là đúng quy định của pháp luật. Do vậy được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị T với anh Lương Mạnh A thì Thấy : Chị T và anh A sau khi kết hôn, chung sống với nhau được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn xẩy ra thường xuyên và liên tục, anh A luôn đánh đập, xúc phạm vợ con, rất nhiều lần chị đã phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp, ngoài ra anh A còn đánh cả bố mẹ đẻ và con chung. Mặc dù đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải, chính quyền địa phương đã can thiệp, công an phường cũng đã nhiều lần nhắc nhở, giáo dục nhưng anh A không thay đổi. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị T kiên quyết yêu cầu xin ly hôn do tình cảm với anh A đã không còn, cuộc sống mẹ con chị thường xuyên bị bạo lực gia đình nên không còn khả năng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã xẩy ra liên tục kéo dài từ năm 2010 anh Lương Mạnh A đã có hành vi đánh đập vợ con, anh A cũng thừa nhận việc anh đánh đập vợ con là có thật do anh thường xuyên nhậu say nên thường xuyên đánh vợ. Tại biên bản làm việc xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T và anh A. Bà Thành là mẹ đẻ anh A và đại diện chính quyền nơi vợ chồng cư trú đều xác định Anh A thường xuyên đánh bới đánh chửi vợ con đã được địa phương nhắc nhở giáo dục rất nhiều lần. Như vậy anh A đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không làm tròn nghĩa vụ của người chồng, người cha, không quan tâm vợ con, luôn gây sự chửi bới đánh đập vợ con, gây ảnh hưởng xấu đến cuộc sống chung của gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Lương mạnh A.

Phía anh A xin đoàn tụ nhưng cũng thừa nhận từ khi kết hôn vợ chồng đã thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại, chính quyền khuyên giải nhưng không có kết quả. Bản thân anh A không có biện pháp tích cực để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vẫn diễn ra hàng ngày . Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không đạt được mục đích, nên yêu cầu xin đoàn tụ của anh Lương Mạnh A không được chấp nhận .

[2.2] Về con chung: Trong thời kì hôn nhân vợ chồng chị T và anh A có 02 con chung:

+ Lương Thị Phương T2 – sinh 20/6/2003

+ Lương Thanh T3 – sinh 02/6/2012

Khi ly hôn cả chị T và anh A đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung, anh A đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu xin trực tiếp nuôi con chung của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Về thu nhập thực tế đảm bảo cho việc nuôi con chung, chị T làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập ổn định

bình quân 7- 10 triệu đồng/ tháng, có đủ thời gian và điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Hiện tại hai con chung ở cùng chị T, được chị T chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo, các con phát triển bình thường. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Cháu Lương Thị Phương T2 – sinh 20/6/2003 trên 7 tuổi và có nguyện vong được ở với mẹ, cháu Lương Thanh T3 sinh 02/6/2012 hiện nay chưa đủ 7 tuổi, chưa được trình bày lời khai. Tuy nhiên theo chị T trình bày và anh A cũng thừa nhận việc cháu Thức trong quá trình bố mẹ còn chung sống đã bị bố đẻ là anh A ngược đãi, đanh đập và nhốt cháu nhiều lần, việc này đã bị chính quyền và công an nhắc nhở can thiệp, anh A còn có hành vi ngược đãi vợ và con chung có xác nhận của hàng xóm cũng như của đại diện chính quyền. Về công việc và thu nhập của anh A theo như chị T và bà Thành là mẹ đẻ của anh A trình bày thì anh A thường xuyên rượu chè, không có nghề nghiệp và thu nhập không có đủ điều kiện để nuôi con, nên xét thấy anh A không đủ tư cách, cũng như không đủ điều kiện để nuôi dạy con chung. Từ những phân tích trên căn cứ vào Điều 81,82,83 luật hôn nhân và gia đình hội đồng xét xử thấy cần giao chị T trực tiếp nuôi cả hai con chung là phù hợp để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con, ổn định về tinh thần cũng như nơi ăn chốn ở, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em sau ly hôn.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra vấn đề xem xét.

Anh A được quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Dương Thị T và anh Lương Mạnh A xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về công nợ: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của viện kiểm sat nhân dân thành phố Sông Công là phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ,147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56 , 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị T được ly hôn anh Lương Mạnh A

2. Về nuôi con chung: Giao chị Dương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con chung Lương Thị Phương T2 – sinh 20/6/2003; Lương Thanh T3 – sinh 02/6/2012.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, nên hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Lương Mạnh A có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ chung : Không có.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự :

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6.Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu số 0010711 ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho biết đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKSND cùng cấp ;
- Chi cục Thi hành án cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Bình